PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1er VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi

Chủ-nhiệm : **Nguyễn-năng-Quốc**
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : **Cung-đình-Bính**

Chánh chủ-bút: **Phan-chung-Th**
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút : **Dương-văn-Hi**
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIA BAO : *Cả năm 1$50 Nửa năm 0$80. Mỗi số 0$07.*

Hán-việt đại tự-điển

Đã ba bốn lần, bản quán đã đăng tin rõ lên Đuốc-tuệ rằng bản-quán chỉ nhận tiền đặt bộ Tự-điển đến hết tháng bảy Annam thôi. Thế mà vẫn còn có sự hiểu lầm gửi tiền về đặt, không nhận thì phụ lòng cac vị mà nhận thì sai với lời hứa. Vậy xin cac vị nào yêu đến Tự-điển xin đợi đến lúc in xong sẽ gửi tiền mua đừng có đặt trước nữa.

Imp. **Đuốc-Tuệ**

CUỘC XỔ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

Chiều hôm 9 Novembre tại hội-quán hội cựu chiến-binh Hanoi đã có cuộc xổ số Đông dương bộ A của kỳ phát-hành thứ ba.

Cac số trúng như sau đây ;

Trúng 10 đồng

Cac vé có hai con số sau cùng là : 86 13 83

Trúng 15 đồng

Cac vé có cac con số sau cùng là ;

509 326 017 36

Trúng 20 đồng

Cac vé có cac con số sau cùng là ; 340

Trúng 50 đồng

Cac vé có các con số sau cùng là ;

4435 8515 9451 3806 3712

Trúng 100 đồng

Cac vé có 4 con số sau cùng là : 8320

Trúng 500 đồng

Cac vé số ;

070,887 152,381 014,397 039,984 285,048
261,593 015,914 270,232 155,253 099-126

Trúng 1.000 đồng

Cac vé số ;

172,445 261,555 124,056 130,874 122,251

Trúng 10.000 đồng

252.077

SỰ BÁO ÂN CHÂN-CHÍNH

Mỗi khi ta làm được một chút đỉnh gì thì ta tưởng ta là người đại ân-nhân, có công-đức lớn với đời, muốn bắt đời phải khen ngợi báo phục ta; lại tưởng ta là người không có tội lỗi gì : rồi thấy người ngày ngày sám-hối niệm Phật thì chế nhạo rằng: «tội lỗi gì mà làm thế, ngày nào cũng hối? » Nhờ có nhời Phật dậy thì mới biết, chúng ta còn lắm tội nợ lắm, nếu chưa tu thành Phật thì không thể nào báo đền được hết ân-nghĩa đối với thế-gian. Nếu mình chửa báo đền được ân-nghĩa thế-gian. thì mình có công-đức đến đâu chăng nữa, cũng vẫn như người nghèo cùng còn mắc nợ, chứ chưa đáng tự tôn tự đại. Thế thời:

I — Ta phải chịu những ân-nghĩa gì ?

II — Nguyên do vì sao mà ta phải chịu những ân-nghĩa ấy ?

III -- Muốn báo ân chân chính thì phải làm thế nào?

I — TA PHẢI CHỊU NHỮNG ÂN NGHĨA GÌ ?

Trong kinh Tâm-địa-quán có chép rằng: « Chúng-sinh phải chịu bốn cái ân lớn : 1) Ân cha mẹ, ở khắp thập - phương, đời hiện-tại, đời quá - khứ và đời - vị lai; 2.) Ân - nghĩa đối với chúng-sinh ở khắp mười phương, về đời hiện - tại, các đời hiện - tại, các đời quá - khứ và các đời vị - lai; 3.) Ân - nghĩa đối với Tổ-quốc ở cõi giới, cõi người về đời hiện - tại, các đời quá - khứ và vị - lai; 4.) Ân-nghĩa đối với Tam-bảo, là Phật, Pháp. Tăng. ở khắp mười phương, về hiện - tại quá-khứ và vị-lai.

II — NGUYÊN DO VÌ SAO MÀ TA PHẢI CHỊU NHỮNG ÂN-NGHĨA ẤY?

1.) Vì sao mà có ân nghĩa cha mẹ ?

Là ta mê mất « chân tâm thường - trụ sáng suốt bao la khắp mọi nơi », mà chỉ nhận được cái « sắc thân chướng-ngại vô-thường », phải theo thời - gian luân-chuyển làm người ở cõi nhân-gian. Khi ở cõi giới Sắc giới sinh xuống cõi nhân-gian, thì sinh bằng biến-hóa, thân người toàn bằng sắc chất quang minh, có thần thông biến-hóa; sau vì hưởng thụ mầu đất ngọt béo, rồi lại biến thành thân sác thịt nặng nề thô-bỉ; sau lại vì tham lam ghen-ghét, mầu đất biến-hóa hết đi, mọc thành thứ lúa thơm; loài người bị ăn thứ lúa ấy, có nhiều bã rả ô-uế, mà biến sinh ra đường đại-tiện và tiểu-tiện; vì yêu tâm yêu sắc nhau, mà biến thành kẻ nam người nữ, sinh ra dâm-dục, có vợ có chồng, có « nghiệp báo hai », có cha mẹ; vì cái nghiệp công cộng như thế, mà cứ đời đời kiếp kiếp thác-sinh làm cha mẹ lẫn nhau, như bánh xe quay, không biết có thời hạn nào.

Mỗi khi ta thác thai vào nhà nào, thì ta làm phiền - lụy cho cha mẹ nhiều lắm; khi còn ở trong bụng, thì phải nặng-nề khó chịu, khi sinh ra, thì đau đớn khổ sở; khi thơ ngây, thì bú bớm bồng-bế, bìu dìu dỗ dành, phải chịu dơ bẩn vì con; khi biết đi đứng ăn nói, thì lo liệu cơm áo, giấy bút, tìm thầy dạy bảo dạo tạo cho thành người có đức tuệ tài năng, khi ốm đau thì lo sợ quên ăn mất ngủ, tìm thầy chạy thuốc, sông pha mạo-hiểm, chẳng quản nắng mưa, ăn cay nuốt đắng thay con; khi nhớn lại lo bề lứa đôi, cho có công nghiệp có gia thất; khi con làm sự xấu, thì cha mẹ bị nhục lây; khi làm sự bạo - ngược, thì cha mẹ bị tội vạ lây; khi con làm việc đạo-nghĩa phải thiệt đến tinh mạnh tài sản, thì cha mẹ cũng phải phiền-não vì con.

Lúc nào cha mẹ cũng lo liệu vì con, muốn cho con được sung-sướng vẻ-vang hơn mọi người trong thế-gian; công-đức ấy kể sao cho xiết, thực là trời cao khôn với, bể thẳm khôn lường !

Mà cái thân vô-thường của ta đây, cứ sinh diệt tuần-hoàn từ đời vô-thủy đến nay, thay đổi biết bao nhiêu là thân ; biết bao nhiêu là cha mẹ ; chỉ có thể lấy hạt bụi làm thí dụ. kiếp này hợp nhân-duyên thì thác-sinh vào làm con nhà này; kiếp khác hợp duyên với cha mẹ khác thì lại thác sinh vào nhà khác, thành ra có cha mẹ ở khắp mười phương ba đời.

Hiện nay có nhiều kẻ ngu-si bất-hiếu, cãi lại rằng « ai bảo cha mẹ giao-kết với nhau, hoặc là cầu tự nó, để cho nó có thân phải chịu khổ, nó đã không thù thì chớ, sao lại còn bảo nó phải chịu ân » ?

Thương hại thay ! Những kẻ ngu-si điên-cuồng lầm tưởng lầm, mà nói những câu bất nhân vô lý ấy ! Họ có biết đâu rằng, họ đã tạo cái « nghiệp-thức » phải thác thai, thì dù chẳng thác sinh vào nhà nọ, tất phải thác sinh vào nhà kia, chứ không thể chơ vơ giữa giời mãi được; chỉ tùy nhân-duyên thiện-ác, ân-oán, mà được vào nơi sung sướng hay khổ sở, chớ có ai vô cớ thưởng phạt họ đâu ! Vì như người giồng ngô thì được ngô, giồng đậu thì lấy quả đậu; chớ cha mẹ dù độc ác ngu-si đến đâu, cũng biết thương con, cũng muốn làm cho con sung sướng hơn người; vạn nhất vì tiền-oan nghiệp-chướng mới phải một người hủy-hại vùi dập con, hay là bỏ bơ vơ mà thôi.

2) Vì sao mà có ân-nghĩa chúng-sinh ?

Nguyên là vì chúng-sinh còn mang cái « thân phải hưởng-thụ » này ra đời, thì phải thụ dụng mọi thứ, mới cho là vui-sướng hoàn-toàn; cho nên phải liên can với tất cả chúng-sinh ở khắp mười phương ba đời. Như là chư Thiên, Long, Quỷ, Súc, vân

có liên can ẩn mật với ta, vì ta ngu-si chướng-ngại, cho nên không biết; như hiện tiền đây, ta phải nhờ người làm thợ mới có nhà cửa, quần áo, đồ dùng; phải nhờ người cấy, mới có thóc lúa, rau quả, bông gai; nếu còn thụ dụng thịt thú, cao nhung, lông da, tơ lụa, mật sữa, sừng, ngà, xương, khảm của súc vật, thì còn phải chịu ân nợ liên - miên với chúng; nếu còn dùng đến trâu cầy ngựa cưỡi, gà gáy, chó sủa; thì cũng còn liên can mắc nợ chúng.

Hoặc có người hỏi rằng: giả sử có người đời nào cũng ở các cõi giới thượng giới; hay là đời nào cũng có tài năng và sẵn tiền của, thụ dụng đến đâu, bảo đáp ngay đến đấy, thì sao còn mắc ân ? — Đáp rằng không thể được ! Là vì đã kết cục cái tinh tri-giác vào cái thân sinh diệt vô-thường thì cứ phải tùy theo thời gian mà luân - chuyển, chứ không có theo nguyện-lực mà tự tại được, vả ta lại tưởng tượng như có một người có tài năng lại có nhiều tiền bạc mà bị trôi dạt vào một cái bãi hoang dữa bể, không có một ai ở đấy, thì người tài năng sẵn tiền kia, có vui sống được hoàn háo không ? Trừ ra ông ấy đã tu luyện được phép « tự - tại » cho mình nếu còn hưởng-thụ thì còn liên-can mắc mứu với nhau, chứ chưa thanh khoản được.

3) Vì sao mà có ân nghĩa quốc-Vương?

Nguyên là vì bọn chúng-sinh còn ngu-si, tham-lam, tàn hại lẫn nhau, tranh dành xâu xé nhau lừa lọc bẫy cạm nhau; vì cái nghiệp công cộng ấy có bậc hành chánh để bảo hộ công-lý, sử đoán sự tranh dành, thì mới sống được an-toàn.

4) Vì sao mà có ân-nghĩa Tam-bảo

Nguyên là vì chúng-sinh còn mắc bệnh « si-mê » muốn giác-ngộ; bị đau khổ muốn cầu vui; vì cái nghiệp công cộng ấy, cho nên phải có Tam-bảo để cứu khổ độ mê cho; như là có bệnh tất nhiên

phải có thuốc đối-trị. Phật, Pháp, Tăng; từ-bi hỷ-xả hết thảy mọi cảnh hưởng-thụ, mà thường thường phóng « tri tịnh-quang » đi khắp mười phương, để chiếu phá ám-chướng si-mê, giúp đỡ chúng-sinh; hoặc dùng thần biến mà ứng hiện sắc thân vào nơi cực khổ ô trọc, để cứu khổ độ mê cho chúng-sinh; công-đức từ-bi của Tam-bảo đối với chúng-sinh thì không thể nào nghĩ bàn được! Tán thán ức kiếp cũng không hết được! Cha mẹ thương con còn có hạn, xứ sở; nếu con thác sinh đi làm người làm vật ở nơi khác, thì cha mẹ cũng không còn nhận biết được mà thương; hay là hiện tiền vì con bất hiếu bất nghĩa cũng giảm lòng thương, có khi khước từ con; hay là con bị nạn ở chỗ khổ sở nguy hiểm, cha mẹ cũng không đến được. Đến như Phật, Pháp, Tăng thì không hạn thì giờ nào, xứ sở nào, và không phân biệt kẻ ân người oán, bao giờ cũng thương sót chúng-sinh, như mẹ thương con, lúc nào cũng dùng « tri tịnh quang » lẳng lặng lân-niệm đến chúng-sinh, lúc nào cũng nguyện cứu khổ độ mê cho chúng-sinh, khắp mười phương; chỉ tùy chúng-sinh muốn chóng khỏi thì tin theo Phật Pháp, Tăng; nếu chưa chịu tin theo Phật, Pháp, Tăng, thì phải chịu khổ lâu đời. Cái công-thần diệu của Tam-bảo với thế-gian, chỉ có người có tri-tuệ thanh-tịnh mới biết được. Kinh A-hàm chép rằng; « Cõi thế-giới, vì vô số nghiệp-lực nhân-duyên của mọi chúng-sinh, và vì nguyện-lực, từ-duyên không thể nghĩ bàn của chư Phật chư Bồ-tát mà thành-lập »

Cái thần thấy biết chướng ngại của ta đây, tựa như con vi-trùng bám vào quả bưởi còn biết làm sao được; ta thử suy một gia-đình con cháu hư dại, mà được cha mẹ có tài đức giáo-hóa duy trì, thì cảnh gia đình nhà ấy, biến đổi khác với gia-đình toàn gia phung phá ngu dại; rồi suy đến một nước, đến cả thế-giới cũng vậy.

Hoặc giả có người nói rằng người nào tin theo Phật, Pháp, Tăng, thì người ấy phải chịu ân Tam-bảo, còn người không theo thì việc gì mà mắc ân ? – Đáp rằng chúng sinh và Phật, Pháp, Tăng, thể tính cũng sáng thiêng thông suốt bao la hàm dung lẫn nhau, không khác nhau, không lìa cách nhau ; cho nên cái nghĩa thân thiết âu yếm nhau như mẹ con vậy ; con thơ dại mắc bệnh kêu đau, là có ý muốn giải thoát, thì tất nhiên mẹ phải chữa thuốc cho, nhưng con trẻ dại dột ngu si, thấy mẹ cho uống thuốc cay đắng lại kêu khóc chửi giả, rồi chạy trốn; thế mà mẹ vẫn cứ đuổi bắt cho uống thuốc, chữa cho khỏi bệnh. Phật, Pháp, Tăng, cũng vậy, không trắp trách oán nhiận chúng sinh nhạo báng, vẫn cứ đuổi theo lên giới xuống ngục, bắt vào « Vô-dư Niết-bàn » tức là chữa cho khỏi bệnh « si mê » hoàn lại cảnh tỉnh ngộ, yên vui, tự-tại mới nghe ; ấy là nói cho chúng-sinh tự phải biết mà báo đền thì được thanh-khiết mãn-phần, chứ Tam-bảo không có đòi ơn của chúng-sinh.

III — MUỐN BÁO ÂN CHÂN-CHÍNH THÌ LÀM THẾ NÀO ?

Tức là phải tin theo Phật, Pháp, Tăng, mà tu tập, thay đổi sự mê lầm, làm theo sự chân-chính, thì mới là báo đền được ân-nghĩa hoàn-toàn chân-chính.

1.) Sự báo ân cha mẹ sai lầm

Là vì không biết rằng hết thảy chúng-sinh ở các loài đều là cha mẹ tiền kiếp của mình; mà điên-đảo mê hoặc, đâm mê sự dâm-dục, mắc bệnh tình để mất dòng dõi tổ-tiên; sát hại chúng-sinh để ăn uống cúng đãi, làm sự trái đạo lấy lợi cung dưỡng; nghe bói nghe dị, cải mả lên đồng, thiêu vàng hóa mã, cầu vái quỷ thần, dẫn dụ cho cha mẹ theo giáo pháp vô-lý; nuôi nấng cha mẹ tín ngưỡng Tam-bảo. Thế là sự báo ân cha mẹ mê lầm.

Sự báo ân cha mẹ chân chính

Thì phải tin nhận rằng mình và chúng-sinh đều có « chân - tâm thường-trụ sáng-suốt thiêng-liêng bao la hết thảy » ; chỉ vì điên - đảo mê-hoặc tham mê

hưởng-thụ dục-lạc cho nên phải luân-hồi làm cha mẹ lẫn nhau thì lý - ưng phải cấm tuyệt « sát - sinh và dâm-dục » nếu chưa làm đúng được. thì cũng phải giới tà-dâm, phải phát nguyện sả-ly dần cho đến tuyệt không tưởng đến nữa; và phải cứu chữa buông tha chúng-sinh, cung nuôi cha mẹ bằng những lợi dưỡng hợp đạo; phải khuyến-hóa cha mẹ và hết thảy mọi người biết quy-y Tam-bảo; phải niệm Phật, tụng kinh, cúng dàng Tam-bảo. Khi cha mẹ ốm đau thì cơm cháo thuốc thang, cầu nguyện Tam-bảo da-bị. cho tiêu-giảm nghiệp-chướng; khi trăm tuổ, khi tuần tiết giỗ tết cũng vậy, lúc nào cũng niệm Tam-bảo, và phóng-sinh, tu phúc tu tuệ, cầu siêu phả độ cho hết thảy cha mẹ khắp mười phương ba đời, kẻ còn, người khuất đều được giải-thoát trăn - hoàn, làm con như thế mới trọn đạo con, mới là báo ân cha mẹ chân-chính.

2.) Sự báo ân chúng-sinh sai lầm

Là giết chúng-sinh nọ, cứu chúng-sinh kia; giết bọn người, cứu bọn mình, tự sưng là đại hùng, đại ân-nhân, đại cứu - thế; trăm khôn nghìn khéo. lừa chúng-sinh ngu-si hèn yếu, để lấy của đem bố - thí thết đãi kẻ khác, để lấy lợi riêng mình; đem những thuyết vô-lý ra giáo - hóa chúng-sinh, khiến cho chúng-sinh lầm-lạc mất hết tư-cach tự - tại giải-thoát.

Nếu muốn « báo - ân chúng-sinh chân-chính » thì phải sả thân mình, để cứu-độ cho chúng-sinh; phải hy-sinh hết cả những cảnh « hưởng-thụ vui sướng khoái lạc của mình đi, mà học đạo, tu đạo, đem chính đạo mà giác-ngộ cho hết thảy chúng-sinh khắp mười phương ba đời, đều được tỉnh-ngộ, giải-thoát vĩnh - viễn an-lạc; tức là thành Phật cả, không phải « hưởng thụ » những cảnh giả dối vô-thường nữa; thế mới là báo ân chúng-sinh chân-chính.

3.) Sự báo-ân quốc-chính sai lầm

Là đem những tà thuyết khiêu dâm loạn tính, bài bác nhân-quả khiến cho người không biết tự tạo lấy cái nguyên-nhân hưng-thịnh, tránh những nhân-duyên suy bại.

Muốn báo-quốc-chính chân-chính thì phải đem chính-đạo ra hóa dân giúp nước; khiến cho nhân dân biết lý-nhân quả; biết tự tạo lấy nguyên-nhân hưng-thịnh, biết tránh những nguyên nhân suy-bại, từ lúc bình-nhật; phải tự lập tự cường ở mình chứ không nên lười biếng ỷ-lại; phải làm cho cái thế-giới « Tham, sân, si » biến thành thế-giới « Cực-lạc, chính-giác » không còn ai ngu-si, gian tham, tàn bạo nữa, thời không còn ai phải trị-hóa ai nữa thế mới là một nước vĩnh-viễn an-lạc.

4.) Sự báo ân Tam bảo sai lầm

Tuy cũng có tin Tam-bảo, nhưng không biết thế nào là Phật, gặp những thiên-ma, tà đạo trá hiện ra làm Phật, cũng quy-y tín ngưỡng, cũng suy-tôn là Mở Phật ra đời; không biết thế nào là pháp-chính phái-tà, cũng tự tu và truyền-bá rồi tự nhận là chính-pháp là giới luật của Phật; đến chính pháp của Phật thì lại phỉ báng, không biết thế nào là tăng, gặp quân ma đảng quỷ, khôn khéo biện-bác, trá thuật thần biến, tự do rượu thịt, thì tán thán thân cận; đối với các bậc « trì giới, tịnh-tăng, thì hủy mạ, cho là độc-thiện, chấp-tướng, lập-dị, hiếu-danh; rồi bới lông tìm vết, cầu toàn trách bị

Muốn báo-ân Tam-bảo chân-chính thì phải nghe học cho biết thế nào là « Danh-tự Phật » thế nào là « thân tướng Phật, » thế nào là « đức tính diệu dụng Phật, » mà niệm Phật, phát nguyện tu cho thành Phật, khuyến hóa cho người cũng biết niệm Phật, tu thành Phật. Phải nghe học cho biết thế nào là « chính pháp », thế nào là tà-pháp, để mà tự tu và truyền-bá

chính-pháp cho người, phá trừ tà-pháp cho người. Phải nghe học cho biết thế nào là « Tăng », thế nào là quần ma đảng quỷ, để tự niệm làm Tăng, khuyến hóa giúp đỡ người làm Tăng ; khước trừ và lánh xa những kẻ gian tà trù thuật. Đừng có coi Phật là ông thần tài ăn lễ phù hộ ; phải coi Phật như ông thầy thuốc ; đừng coi pháp-Phật như của bầu mua dừa chợ rẻ thì mua, đắt thì đừng, phải coi pháp-Phật như thuốc tràng sinh bất tử phải sả thân mà cầu pháp ; đừng coi Tăng như người ăn xin, như người làm thuê, mà kiêu ngạo cậy tiền của để sai khiến, phải tưởng như minh sư hiền hữu rất khó gặp ở đời. Phải phát tâm nguyện cho hết thảy chúng-sinh đều thành Phật-pháp-tăng thường trụ tam-bảo; tức là thân giả-dối vô-thường của chúng-sinh và những thân chư Phật cảm ứng sai khác kia, đều tức là Thanh-tịnh diệu-pháp-thân, vô-lượng thọ cả; hết thảy pháp phiền não và Niết-bàn đều tức là Bồ-đề chính-giác cả; hết thảy những tướng phân-cách chướng-ngại, đều tức là tịnh tướng dung hợp vô-lượng quang-minh tối-thượng Tăng-già ; thế mới là báo-ân Tam-bảo chân-chính,

Hoặc có người hỏi rằng ; kể cái lý nếu đã nhận được cái thân sáng suốt không chướng-ngại, thì dù gặp cảnh gì cũng tự tại được ; nhưng hiện nay, còn phải mang cái thân thụ dụng này, mà tuyệt không « hưởng thụ » và cấm tuyệt « dâm, sát » thì người hiếu-tử, trung thần, nghĩa dân, thương phu, hiền phụ chưa xuất-gia được, thì làm thế nào cứ giữ bổn phận, mà tu Phật pháp để lấy quả Tịnh-độ xuất thế, cho trọn tình vẹn lý được ?

Đáp rằng : « không hưởng thụ », nghĩa là không khởi ra cái tình hưởng thụ ; nếu mình không tạo ra cái nghiệp tình hưởng thụ, thì sẽ biến thành cái nghiệp-quả thanh-tịnh bình-đẳng không khổ nữa. Như là chúng ta ngày nay tuy vẫn phải ăn để sống mà tu-hành ; những trong khi ăn, cứ tập phản-chiếu cái tình « hưởng vị » của mình vào trong, mà không chú ý vào những « hương vị kia nữa cho quen đi ; tức là lúc nào ta cũng « niệm

Phật » thì không có phân biệt mặn nhạt, ngon hay không ngon; thì trong thì ta dùng phương-tiện thụ-dụng, mà « cảnh-vị » kia đối với ta cũng vô-vị như người nhai sáp vậy; thế thì cảnh địa-ngục biến như cảnh Thiên quốc, chính là tịnh-độ hiện-tiền. Vậy thì người hiếu-tử, trung-thần, nghĩa-dân, lương-phu, hiền-phụ, vẫn có thể làm được tròn bổn-phận, ở tại-gia mà tu chính-pháp lấy quả Tịnh-độ xuất-thế được; không hề chướng-ngại gì. Miễn là trong khi phương-tiện làm chức-vụ, đừng khởi ra cái tình tham-hưởng danh-dự khoái-lạc; hay là khởi ra cái tình sân-nộ báo-thù, phải tưởng là vì cứu-hộ, vì báo-ân chúng-sinh, chứ không vị mình là được.

Tôi xin kể một chuyện của tiền-thân đức Thích-ca phương-tiện tu đại-bi, ở trong kinh Báo-ân như sau này: « Đời xưa kia có Phật ra đời hiệu là Vô-úy-Vương Phật, có ông Bà-la-môn thụ-trì ngũ-giới, tức là Cư-sĩ, ông có việc phải đi ngoại-quốc, giữa đường có nhiều nạn giặc cướp; có một bọn cả thảy 500 người kết đội cùng đi, đến một chỗ phải ngủ đỗ; chỗ ấy có một bọn giặc 500 người vẫn trú ở đấy để cướp bóc hành khách. Bấy giờ chủ giặc mật sai một người đến dinh mổ để thi hành thủ-đoạn; bấy giờ, trong bọn giặc lại có một người trước có quen với ông Cư-sĩ, mới đến bảo ngầm cho ông biết .nà thoát thân lấy một mình, không được bảo cho hành-khách biết. Bấy giờ ông Cư-sĩ rất khó nghĩ, bảo cho bọn hành-khách biết thì sợ bạn giết tên đi dinh dó kia, thì cả bọn cùng đọa ác-đạo, phải chịu tội khổ; nếu lặng yên đi thì bọn giặc sẽ đến giết bạn, bọn giặc sẽ bị tội khổ; nghĩ thế rồi đặt một phương-tiện cốt vì lợi ích chúng-sinh, không vì riêng mình; âu là mình chịu khổ báo thay cả hai bên, liền cầm dao giết người dinh dó kia, thế là bọn bộ-hành đều được an-toàn. Lúc bấy giờ cả bọn ngồi thấy thế, liền hỏi rằng: « Ông là người tu thiện sao lại làm việc đại ác như thế? »

Ông Cư-sĩ quỳ gối chắp tay hổ thẹn mà nói rằng: tôi nay bất đắc dĩ vì lợi ích chúng-sinh và các bạn, mà phải làm. để bạn yên-ổn, mà tôi xin chịu cái tội địa-ngục. Bấy giờ cả bọn hành-khánh đều cảm-phục, vừa sợ vừa mừng, và bảo nhau rằng : Thiên-hạ chí-trọng không gì

bằng thân mạng; hết thảy chúng-sinh ai đến lúc lâm-nguy cũng phải bỏ cả vàng, bạc, châu-báu, quốc-thành, vợ con để thoát thân-mạng; nay lũ chúng ta được nhờ ơn tái-sinh của ông Cư-sĩ, đã vì chúng-sinh, chẳng từ ác-báo lao-khổ mà cứu chúng ta; lũ chúng ta nay nên báo-ân thâm-trọng ấy; rồi hết thảy ai nấy đều phát tâm Bồ-đề, tức là phát nguyện độ chúng-sinh, nguyện tu thành Phật.

Ngay lúc bấy giờ, bọn giặc lại đến hỏi ông Cư-sĩ rằng: « Thấy nói ông là người tu thiện, sao lại làm việc đại-ác như thế ? » Ông Cư-sĩ đáp rằng :« Tôi bất đắc dĩ, vì muốn bảo-hộ thân-mạng cho lũ các ông, mà phải làm như thế. » Giặc lại nói rằng: « Ông làm việc giết người ấy, thì có ích gì cho chúng tôi » ? Ông Cư-sĩ bảo rằng: « Tôi biết lũ các ông ở đây, muốn để cho các ông hồi tâm hướng-thiện, đã không đi báo quốc-Vương và không đánh thức 500 bạn hành khách chúng tôi biết; vì thế mới được an-toàn thân-mạng » Bọn giặc nghe nói thế rồi, đều sợ hãi cảm-phục, và chắp tay tán thán rằng : « Ngài thật là bậc Đại-sĩ, tu hạnh đại-bi ; vậy nay ngài muốn bảo chúng tôi làm gì ? Ông Cư-sĩ nói rằng, tôi chỉ muốn cho các ông phát tâm Bồ-đề ngay đi. Bấy giờ bọn giặc vì báo-ân thâm trọng ấy, đều phát tâm Bồ-đề.

Phật bảo ngài Ấ-nan rằng: «Bồ-tát cần cầu tinh-tiến trang nghiêm đạo Bồ-đề, muốn báo-ân Phật, thường nên thương nhớ hết thảy chúng-sinh như « con một ». Này ông nên biết, người Cư-sĩ họ Bà-la-môn kia, phải là ai đâu, chính là tiền thân ta đây; vì một nhân-duyên ấy mà ta mau nhanh được 9 kiếp chóng thành đạo Vô-thượng chính-đẳng chính-giác .

Ấy phương-tiện đại-bi vì chúng-sinh không vì mình thì khi làm-sự kinh-quyền tùy-nghi không chướng-ngại gì ! Nói rằng chịu tội địa-ngục, nhưng ngại không khởi ra cái nghiệp tinh hưởng-thụ, khi nào lại biến thành nghiệp-quả phải thụ-khổ; hay là có trả hiện ra cái tướng khổ; nhưng trong không có tinh hưởng-thụ, thì dù cảnh-tướng có đối cũng vô-vị, như người nhai sáp mà thôi, chứ có tinh phân-biệt đâu mà có khổ, có sướng; địa-ngục có thể biến thành lạc-quốc.

KẾT-LUẬN : *Nếu muốn báo ân cho trọn vẹn, thì phải tu đến thành Phật mới viên mãn công đức thần diệu; mới độ thoát được chúng-sinh vô tận; muốn tu, thì cần phải nghe pháp và học pháp mới biết đường tu khỏi sai lầm, khỏi sa đọa vào đường ma lối quỷ; nếu mình ít thì giờ học, hay là nghiệp chướng nặng nề, thì nên cúng cấp giúp đỡ cho nhiều người học hộ mình, đến khi có cần đến pháp gì thì thỉnh cầu; ví như muốn tìm một chuyện ở pho sách 100 quyển, lý ưng phải mất 100 ngày mới thấy, nếu nhờ có người học rồi nói cho nghe, hay là chỉ bảo cho biết ở trang thứ mấy, thì chỉ một phút biết ngay được. Cho nên Phật phó chúc cho bên « hộ-pháp » và bên « trì-pháp », cả hai bên cùng tựa nhau, mà cùng được hưởng pháp-lợi cả; đừng nên ghen ghét người học hơn mình, dù người học kia chưa trừ được tính kiêu-mạn, cũng có lợi cho quần chúng.*

Vậy chúng ta còn mang cái sắc thân giả dối vô thường chướng ngại, là còn mắc ân nghĩa to lắm, chưa có gì là dáng tự tôn tự đại; chúng ta có báo đền được trọn vẹn những ân nghĩa trọng đại của thế-gian, thì chúng ta mới thanh khoản tự tại được. **Tâm-Ăn**

PHẬT LUẬT HỌC

« Phàm người phạm giới có năm điều lụn bại: 1. muốn cầu của cải chẳng thỏa nguyện cho, 2. may có được ra sẽ chi hao tổn, 3. đến ở chốn nào chẳng ai kính trọng, 4. tiếng xấu danh nhơ đồn cùng thiên-hạ, 5. sau khi chết phải vào địa-ngục ».

Song đây là mới nói có tội hủy phá năm giới, còn các phẩm trật giới khác nếu trái lại sẽ có nói riêng; vì một lẽ những tội lỗi của các chúng kia có nhiều điều nhẹ nặng phân biệt, phần thì không tiện bộc trực nói phổ thông ra, phần thì các giới khác chỗ yếu ước cũng không ngoài năm giới, bởi trong số của năm giới thì bốn giới trên là giới căn bản làm gốc, còn một điều giới thứ năm, tuy mượn lấy cái danh mà liệt là răn sự uống rượu, nhưng nghĩa « phóng dật lưu » thực

đã ngụ ở trong, bao nhiêu lỗi ác cũng đều do ở một mối phóng-dật lưu mà ra, cho nên nay chỉ nói đến năm giới, nhưng đại ý cũng bao-hàm được đủ cả rồi vậy.

Trong năm điều phạt thì bốn điều trên thuộc hiện-báo xem như văn đã thấy rõ, nguyên một điều cuối đốt, tội kết về đời sau, mà cảnh-tướng lại rất khó đạt nữa :

Nói rằng vào địa-ngục, địa-ngục chiều theo nghiệp-lực tạo tác nặng nhẹ của chúng-sinh mà hóa ra thì rất nhiều, nhưng tóm lại không ngoài ba thứ : 1· ngục nóng, 2· ngục rét, 3· ngục quanh.

Ngục-nóng — Thế-giới ngục-nóng thì ở phía dưới gầm quả địa-cầu mà ta đương ở đây, cũng rất nhiều cửa ngục, song trong đó đứng lên làm đầu lớp thì có tám cửa ngục chính : 1· Đẳng hoạt, 2 Hắc-thằng, 3· Chúng-hợp. 4· Khiếu hoán, 5· Đại khiếu-hoán, 6· Viêm-nhiệt, 7· Đại viêm-nhiệt, 8· A-tỳ, Phạm thứ tội nhẹ nhất, mỗi tội đều phải chịu hành hình ở trong thứ ngục nhỏ một thời-hạn trung-bình, là chín mươi muôn năm (900,000), còn có tăng giảm ít nhiều thì tùy nghiệp lực, hoặc lại xê đi các cửa ngục khác ; ngục ấy ở sát ngay gầm cõi nhân-gian, cách mặt đất này chừng mười hai muôn dặm (120,000), ở đấy quả-báo chịu song nếu còn rư-báo sẽ lại phải lưu-chuyển đi các ngả trong lục đạo. Nếu phạm thứ tội cực nặng, thì bị đọa thứ ngục rất lớn, tội ấy mỗi tội đều phải vào ngục đó một thời hạn trung bình, là mười ba muôn bốn nghìn bốn trăm muôn năm, (1,344,000,000) thế-giới ngục ấy cách đây chừng hai trăm bốn mươi muôn dặm (2.400,000) còn những lẽ gì hết như trên nói. Tức là ngục này ở tận đáy thế-giới, rồi cứ từng từng bậc bậc xếp chồng lên, hết lượt những địa-ngục lớn nhỏ thì tới mặt đất là cõi của người trên cõi người dưới cõi ngục-lớn chất gọn để an-bài, hình dáng đứng ngoài trông y như một đống thóc đồ, dưới chân xòe to tướng mà trên mặt chỉ nhọn bằng một hột mà thôi.

Song địa-ngục vốn là một cái cảnh-giới biệt-lập của phần linh-hồn, cảnh-giới u-áo thiêng-liêng chừng khi nào có một linh-hồn tới kỳ thụ báo, thì riêng cái linh-hồn ấy sẽ tự-nhiên trông thấy mà đến nơi ngay ; chứ còn đối với hình-thức của phàm-trần thì rất là tương-cách vì nếu quả-báo chưa thực thì còn bị màng nghiệp-chướng che lấp đi, cho nên trong kinh đã

nói : « Nếu không có uy-thần tất phải do nghiệp-lực », trừ hai sức này ra, thì bất cứ địa-ngục ở xa hay gần, dẫu tận tâm lực Khoa-học nghiên-cứu cũng không có tài nào mà thấy mà đến được vậy.

Ngục-rét. — Thế-giới ngục-rét thì ở kề ngay dưới đáy dãy núi thiết-vi, mà đã bao bọc chung quanh cho toàn cả thế-giới của người ta đây vậy ; những cửa ngục ấy kể lấy số lớn cũng có tám, tên gọi và khổ-báo, trị-phạt tuy có khác hẳn, nhưng thể cách sử-định, thì cũng phác-lược như quỷ-chế của ngục-nóng đã nói trước kia.

Ngục-quanh. — Ngục-quanh là một cõi ngục vô-hình đối với con mắt thịt, ngục này vốn không nhất-định ở một chỗ nào, thường khi gò bãi cánh đồng, núi sông rừng bể, hay nơi đường ngõ ao vườn, khắp bốn chung-quanh ta vẫn đều có những ngục ấy hành-tội mà ta cũng không được biết vậy.

Ấy nói sơ lược mấy điều về phần địa-ngục. Còn ra mấy ngả ác nữa, là như ngã-quỷ hay súc-sinh, thì mỗi án-kết cứ kể lừng 500 đời hận-báo của một tội.

Nghiệp nặng chuyển xuống ngả ác, nghiệp nhẹ dắt lên chốn lành ; trên ba ngả ác lại còn có cõi Tu-la; ngoài châu Nam-thiệm này ra (tức là châu Nam-diêm phù-đề, mà người đời bết đều đã nhận là một quả địa-cầu hay một thế-giới, nhưng Phật thì chỉ cho là một châu, vì nó mới ăn có non một phần tư thuộc cõi người của một thế giới nhỏ mà thôi), lại còn có ba châu lớn tám châu nhỏ và vô số các tiểu-chử cồn con toàn người ở nữa; lưng chừng núi Tu-di, trở lên có mọi cõi giời; trên vầng mặt giời mặt giăng cũng đều có thế-giới nhân-dân ăn ở ; gây những hành-nghiệp gì thì sẽ sinh đến những nơi đó ? Cho chí cả muôn vật cây cỏi, đất nước, núi non, chúng-sinh thế-giới, đều bởi nhân-duyên gì mà có ? Khi đã hiện có ra rồi thì phải làm thế nào ? Phúc-lành, giải-thoát, quả-vị, Niết-bàn, La hán, Tích-chi, cho lên đến ngôi Phật, muốn được như vậy thì phải làm thế nào ?

Phải theo đúng Phật-luật !

Phật-luật theo đúng thì phải căng-trì, bề ngoài dàng-giữ cái thân cho đến được « không động » bề trong để dẹp mối lòng cho đến được « không-khởi ».

Một lần Phật bảo các đệ-tử :

Dầu trải các việc, mà mối nghĩ vẫn cứ chuyên-nhất không hề tan rối »

Không tan rối mới không hay gây nên mọi sự sằng, mối nghĩ còn chẳng rối huống-hồ tội lỗi thì làm gì ra. Cho nên vô-tâm với vật há có bị vật nó ngăn ngại mình đâu; ví như không tưởng đến miếng ăn ngon, không tức giận đùa tràn đánh giết, thì khi nào còn phạm vào giới-sat; lần lượt các điều cho đến cảnh vật đã gác ngoài thì có chi còn sinh ra phóng-dật ? Không có tính sát, giới sat đã trọn rồi ; cho đến phóng-dật vốn không, điều phóng-dật giữ hết. Phiền não không khởi, giới-sát đến bỏ thừa; cho đến hoặc-nghiệp không gây, phóng-dật rành tuyệt-tích. Giả như ; sát-sinh thiếu sat-tưởng, thì giới-sát này giám-kết cho; cho đến phóng-dật thực vô-tình, thì luật-pháp nào chịu sử-đoán ? Sát-sinh như tự-sát, nhan mà sát-hại được sao; cho đến đám vật tựa đám thân, có gì phóng-dật được nữa ! Thân đã nhơ-bẩn chẳng sạch, thì sát-sinh để bồi-bổ mãi làm chi ; cho đến muôn vật vốn giả-dối vô thường, thì phóng-dật mà đua theo hoài vô-ích ! Khi ngủ-nghê, khi vô-ký, nào có thấy vẻ sát-sinh; cho đến lúc hối-hận, lúc làm cùng, sao nhận được tí ti phóng-dật. Còn mê-man hay nhầm nhỡ quên, xét xem tướng gì là tướng sát-sinh hiện, cho đến khoảng lia chán hoặc duyên điều lành, tìm kiếm cảnh chi là cảnh phóng-dật cần ? Cứ như vậy mà luôn luôn cho mãi, thì tài nào những mầm tội lỗi còn mọc được ra Trong thu mối nghĩ, ngoài tiếp sáu căn, tuy súc đối với các việc lung tung, nhưng mối nghĩ bao giờ cũng vẫn chân-chính trong sạch vắng lặng y-nguyên như một vậy.

Đến khi vật sắc cũng như không, tiếng động cũng như lặng, mối nghĩ cũng chẳng còn phải chuyên nữa, thì chứng ấy, sự trì giới-luật sẽ lên đến cực-điểm

Một bữa kia Phật bảo tên Phúc-quý :

« Uớ này, Phúc-quý năm trăm cái xe cùng chạy tiếng ầm ầm rực cả mang tai, nhưng đã mùi gì bằng cơn sấm sét gớm ghê vang trời rậy đất, đùng một cái đánh chết ngay bốn con trâu, và hai người cánh điền đang cày ở ruộng, thế mà liền bên cạnh

vẫn cứ điềm-nhiên, thung-thăng đi đi lại lại trên mặt đường, chẳng dật mình, chẳng hề nghe, chẳng trông thấy, mà cũng không có vẻ gì biến sắc, tuy là vẫn tỉnh. »

Trì giới-luật đến như thế mới thực là rốt ráo.

HẾT *Luật-tử* HƯ-DUNG

PHẬT HÓA NHÂN-GIAN
TRUYỆN ĐÀN TRÂU

Xưa kia khi Phật trụ tại vườn Trúc, trong thành Thất la-duyệt-kỳ, một hôm cùng các đệ-tử, nhận lời thỉnh vào thuyết-pháp, lúc xong, trời đã trưa, Ngài cùng với đệ-tử ở trong đường thành đi ra, gặp một người xua một đàn trâu lớn ở đồng cỏ vào trong thành, con nào cũng béo tốt, nhẩy nhót hục-hặc đùa nhau. Phức thế-tôn thuyết ngay bài kệ rằng :

Ví như người cầm gậy, Đi chăn cho trâu ăn,
Già, chết, người cũng vậy, Mà cứ nuông cái thân.

Trăm nghìn nào phải một, Giai gái các họ hàng,
Chứa góp những tiền của, Rồi cũng đều xuy tàn.

Sống ngày đêm tân cần, Mệnh tự hao mòn mãi,
Đến lúc hết tuổi thọ, Như giếng đầy cạn dần.

Khi Phật về tới Trúc-viên, rửa chân xong, lên tòa. Tôn-giả A-nan liền đến trước Phật cúi đầu mà bạch hỏi rằng : Bạch đức Thế-tôn khi ngài đi đường nói ba bài kệ ấy, chúng con không hiểu nghĩa thế nào vậy xin khai hóa cho lũ chúng con. Bấy giờ Phật bảo ngài Tôn-giả A-nan rằng : Này ông A-nan ! Ông có thấy người dắt trâu không ? — Bạch đức Thế-tôn, con có trông thấy. Phật lại bảo Tôn-giả rằng : Đàn trâu nhà hàng thịt ấy, trước kia có một nghìn con, hàng ngày sai người dắt trâu ra ngoài thành, tìm những nước tốt cỏ non cho trâu ăn cho chóng béo lớn, rồi hàng ngày lại chọn lấy những con nào béo tốt thì đem làm thịt. Giết mãi đến nay đã quá nửa rồi, mà

những con trâu kia không hề có biết, lại còn hục-hặc kêu dùa, nhẩy nhót làm sướng, vì nó không biết chi cả, cho nên ta thương mà ta nói kẹ vậy.

Phật lại bảo Tôn-giả A-nan rằng : Chẳng những con trâu kia thế thôi, người đời cũng vậy, nào là phân biệt có người có ta, không biết cái lẽ vô-thường, tham-lam ngũ-dục, ăn ăn uống uống cho sướng cái thân, cho thỏa cái lòng, rồi lại cùng hại lẫn nhau, vô-thường nợ cũ, hốt nhiên nó đến, không có hẹn nào mờ mịt không biết, có khác gì như đàn trâu kia. Lúc ấy trong tòa ngồi có hai trăm vị Tỳ - khiêu, lòng thường tham lợi dưỡng, được nghe Phật nói pháp liền tự cảnh tỉnh, chứng ngay được sáu pháp thần-thông lên ngồi A-la-hán.

Bấy giờ Đại-chúng trong tòa, ai nấy đều nửa mừng nửa thương, làm lễ Phật rồi lui ra.

LỜI BÀN GÓP. Phật cũng chỉ vì một tấm lòng thương chúng ta, muốn cứu vớt chúng ta thoát khỏi sông-mê bể khổ, nên mới giáng thân xuống cõi đời xấu-xa này mà rung chuông cảnh tỉnh cho lũ người trầm luân, dắt sang bờ giác. Nhưng than ôi ! chúng-sinh nghiệp-chướng sâu dầy, nào có biết chi đâu, cứ đắm chìm mãi trong vòng danh lợi, mê đam với ngũ-dục lục-trần, Than ôi ! ma đưa lối, quỷ đem đường, nó sắp dẫn ta vào hang sâu vực thẳm, nào ai có tỉnh có hay, con quỷ vô-thường nó vẫn trực sẵn bên mình ta, nó sẽ giết ta, mà ta cứ vẫn túng-tứ theo lòng ham muốn hoài !

Lũ trâu kia, đồng bạn mình quá nửa đã bị vào lò rồi, mà vẫn không biết đến thân phận mình, vẫn còn thung thăng chơi dỡn thực cũng đáng thương !

Xung quanh ta đây, tai nghe mắt thấy, biết bao nhiêu những cảnh trái ngược đau lòng, mà vẫn không biết không hay, không kịp hồi đầu quay lại với Như-lai, thì cái ngu như trâu ta không cãi được mà cái khổ như trâu ta cũng một thuyền mà thôi, thương thay!

Viên-Quang

Phật-học với sự thực-tế

(Tiếp theo số 162)

Vạn vật không bao giờ đứng vững được Vạn vật không phải là cái kỳ công của một vị thiên-thần, và không có dính líu gì đến số mệnh. Nếu một việc sẩy ra chính vì những việc khác sinh ra nó. một vật được nhận như là của mình thì bao giờ cũng định đoạt bởi một vật khác, và một vật mà nhận ra như là của nó cũng đều bị xếp đặt bởi cái nguyên-tắc khác hay bởi những vật như là của mình.

Cái trí-tuệ này không phải là cái lợi-ích của một cái trí tinh hưu quạnh đâu không, nó căn nguyên mãi trong mối tình thương sót xâu xa và dịu dàng, trong tấm lòng thiết tha, trong lắm lòng phúc-hậu đối với loài người. Sự biến hóa cách mệnh này của Phật không phải chỉ có hạn ở trong cái trí-tuệ của ngài, nó vượt hẳn, và có lẽ Phật cũng phải cho rằng hiểu được phép nhân-duyên này là một sự thật kỳ-dị, mà một ngày kia phép nhân-duyên ấy phải cho là cái quý tinh của Phật. Sự biến hóa này làm ngài đổi khác, từ cái đời cá nhân cho đến mọi việc xã-hội của ngài Nếu Phật trải qua một cuộc cách mệnh đức tính như vậy thì chính là việc để đời sau tôn quý ngài, nhưng nếu ngài cứ giữ kín cái trí tuệ ấy, thì cái giá trị thực hành của nó thật là không có gì. May thay, Phật không quên đem thực hành cái trí của ngài và sự từng trải ngài theo từng trường hợp và thời đại . . . Nếu ngài thành Phật dưới cây trong truyện cổ tích, thì chính vì 12 phép nhân-duyên này là một cái trí-tuệ của nền triết-học chau dồi bởi một lòng thương yêu loài người.

Ta có thể tự hỏi rằng, ngài tới cái trí-tuệ này bằng cách nào, và những cớ nó đưa ngài tới đó là những cớ gì ? Tôi muốn để riêng ra những lời ca tụng có sẵn

từ trước. Có người tin rằng các vị Thiên-vương đã dựng cho Phật sự giác-ngộ ấy. Có người lại cho là Phật đã sẵn có trí-tuệ vô cùng tận này và vì một sự hóa-sinh của ngài ra cõi đời này để nhận lấy cái giác-ngộ ấy.

Lại có người cho rằng, Phật vì muốn cứu vớt loài người ra ngoài vòng khổ, nên ngài đã nhận lấy cái đời khổ hạnh. Dù rằng điều này đã có sẵn trong kinh điển đại thừa, đối với tôi nó vẫn là một sự lạ lùng huyền-hoặc. Như tôi đã nói nhiều lần, cái đời tu-hành cần khổ chỉ chuyên về tinh-thần của Phật chỉ ở thói quen của phong-tục Ấn-độ mà ra và những cớ của sự giác-ngộ của Phật không phải là do ở sự cứu vớt dân chúng. Ra dĩ, những kết quả của cái trí tuệ này, ngay đối với phật, cũng là một điều không ngờ; những kết quả đó đã lợi ích cho dân chúng biết bao, nhưng đấy cũng không phải là cái mục đích của Phật. Vậy những lẽ gì đã đưa Phật đến chỗ ích-quốc lợi-dân ? Câu trả lời của chúng ta cần phải căn cứ vào một phương-pháp mà ngay trong cái trí tuệ ấy đã cắt nghĩa; sự giác-ngộ của ngài căn-nguyên tận ở cái nhân-duyên. Cái nguyên nhân vẫn giữ kín lấy nó.

Vì vậy, nên Phật mới tìm sự an nghỉ trong cái đời tu-luyện tinh-thần; nhưng, mặc dầu muốn được vậy, ngài cũng cần phải có ngoại-vật, nghĩa là cái xã-hội bấy giờ, những điều kiện của xã-hội ấy. Hiểu được mọi phép nhân-duyên, ta có thể trông qua được cái diện-cục của xã-hội thời ấy, dầy những sự tệ-lậu nào là người trong các hạng chống cự, tranh quyền lẫn nhau, nào là sự cai trị theo chế-độ độc đoán....

Chính do ở những thời-vụ này mà sinh ra cái trí-tuệ của Phật, và sự biến-hóa bề trong của ngài chỉ là một sản-vật của thời thế. Cái lý của sản-vật ấy ở ngay trong cái tâm chống cự của ngài với chế độ xã-hội độc-đoán của thời kỳ ấy ; và, đó cũng là cái lẽ

của sự bất-diệt của ngài; vì ở thời đại nào hay ở xứ nào mà có một xã-hội giống như cái xã-hội lúc sinh thời Phật, và xã-hội ấy lại có những sự đau lòng như vậy, thì cái tâm kháng-cự của Phật là một tiếng vang ở xứ ấy, ta có thể kết luận được rằng sự giác-ngộ của Phật không vượt khỏi được thời thế hay ra ngoài được vòng không gian, và, cứ trong một xã-hội có những trường-hợp giống như trường-hợp của Phật, ta cũng có thể cảm ứng được như Phật, suy xét được như Phật.

Ta hãy thí dụ rằng Phật giác-ngộ được là do ở mỗi tiếng gọi tự giới xuống . . Chứ không phải là một tiếng gọi thốt ra ở trái đất mà ngài cảm-ứng thấy hay không. Ngài đi đến chỗ giác-ngộ, vì nó phải thế những trường-hợp xã-hội đã bắt buộc ngài. Cái lý thuyết như tôi đã bàn tất phải cho tôi cái cảm-tưởng là tôi khinh miệt cái giá trị của cái nguyên-tôn-chỉ của Phật. Thật ra, trái lại hẳn, tôi không có khinh miệt một tý gì cái nguyên tôn chỉ ấy cả nhưng chỉ có sự xét nhận như vậy mới có thể dạng tỏ được cái nghĩa của sự « giác-ngộ » theo về phương diện xã-hội, và mới có thể cho ta gây được một sự phục hưng cho tôn-chỉ ấy trong một thời đại xa xa mà ở xã-hội của thời đại ấy cũng giống như xã hội của Phật. Vì vậy mà cái giác-ngộ của Phật phát minh ra ở Ấu-châu và phục hưng trên đất Nhật.

Nếu sự thí-nghiệm của Phật có về thần thánh ở Ấn-độ khi xưa, và không có một tý ảnh hưởng nào của thời thế thì sự giác-ngộ của ngài chỉ là một việc nhỏ, chỉ để trên lịch sử mấy trang kỷ-niệm thôi. Bây giờ ta có thể nói được rằng những nguyên-tắc làm cho Phật giác-ngộ không những chỉ là sự dễ cảm động của ngài hay cái đặc tính hay tư lự của ngài, nhưng lại là những trường-hợp xã-hội nữa. Điều mà tôi muốn nói, không phải nghĩa là Phật không mang hết hoạt động ra để tới chỗ giác-ngộ. Bấy giờ

Phật và các đồ-đệ của ngài có thể quan sát mọi hiện tượng trên một nền chân giới mới, trong một cái liên-lạc mới của mọi sự của mọi vật. Các ngài đối diện với vật, với người mới.

Như tôi đã nói, các tôn-phái không cho rằng Phật giác-ngộ được là nhờ ở 12 phép nhân-duyên. Có người tin rằng sự giác-ngộ không thể nói bàn được, ngôn-ngữ và văn-tự không đủ để làm nguyên hình nó được. Họ nói rằng sự giác-ngộ nấp ở dưới những văn tự rất bí hiểm, ngoài hẳn cái tư-tưởng dễ quên của loài người. Vì cứ như vậy thì sự giác-ngộ thường vẫn đóng kín cửa cho phần nhiều các vị đồ-đệ: Phật cầm một chiếc hoa giơ trước các đồ-đệ, họ chú-ý nhìn có một người mỉm cười, và, hiểu được cái giác ngộ của Phật: đó là sự tiếp súc của hai cái tâm. Ai mà tin ở một sự chao đổi như vậy của hai cái tâm thì nghĩ rằng người ta có thể hiểu nhau được bằng sự « yên lặng ». Cốt nhiên là các Phật-tử đời cổ không có cái tư-tưởng này: kẻ nào coi đạo-Phật một nghĩa cao-thượng và chật hẹp mới sáng lập ra cái tư-tưởng ấy, họ thích để nó lên trên nền tảng xã-hội và coi nó dưới một cái góc của cái trí-tinh thượng-lưu, bằng một vẻ huyền-bí. Người nào tin ở sự có thể giác-ngộ được toàn bằng cái năng lực tinh-thần mới có cái tư-tưởng ấy. Tôi không dám sung-phạm gì đến một quan-niệm như vậy, nhưng ta nên biết rằng những cái tâm của chúng ta tiếp-súc được với nhau thật là một điều rất khó, và đây tôi không dám nói tới cái tâm của Phật. Những người về phe với tư-tưởng này tôi thấy cũng có một vài chỗ có lý, nhưng tôi không thể công-nhận được rằng sự « giác-ngộ » ở trên hẳn cái trí-khôn của chúng ta. Cứ theo như sự tích thì Phật chỉ thuyết pháp bằng sự từng trải của ngài; vậy tất cả các điều thuyết-pháp này sẽ trở lên vô nghĩa-lý nếu ta nghiên-cứu nó mà không biết tới cái giác-ngộ. Chỉ tùy theo ở điều đã diễn giảng thì đã đành là không được đầy đủ, nhưng

nếu ta tìm tòi cái giác-ngộ ở chỗ chống không, không căn cứ vào ngôn-ngữ và văn-tự thì cũng lại là không được đầy đủ. Về phần tôi, tôi chắc chắn tin rằng sự giác ngộ có thể thực-tế được, tiêu-biểu được bằng lời nói bằng việc làm và bằng những nhép-tắc của đời, và chính trong sự tin-thành này mà tôi giải-bày những tư tưởng của tôi. Tôi cũng lại tin rằng: người ta sẽ không thể hiểu minh mạch được đạo-Phật, nếu người ta lạc vào một luận thần-bí tối linh-diệu, kể về việc thì luận thần-bí đó sẽ đưa ta đến một chỗ dối beng có hại.

Nghiêm-văn-Hợi

(còn nữa)

TIN MỪNG TỊNH-ĐỘ

Một giáo-hữu đã được điềm lành vãng-sinh

Bản báo tiếp được tin thân-phụ ông Nguyễn-văn-Vanh « cổ-động viên của bản báo » là cụ Nguyễn ngọc-Oanh quy Phật ngày 13 tháng tám năm Tân-tỵ niên hiệu Bảo-đại thứ 16, hưởng thọ 63 tuổi.

Bản báo có đưa lễ phúng đến thăm, khi ủy viên tới, được tiếp ông Ich-Nguyên và bà Vịnh là người buôn bán cùng phố thuật lại câu chuyện qui Phật của Nguyễn tôn-linh cũng dúng như bức thơ của ông Lâm gửi cho bản báo vậy xin thuật thêm những tin đích thực để thập-phương độc giả chứng-minh.

Nguyễn Tôn-linh nguyên quán ở xã Liễu-tràng huyện Gia-lộc. Haidương, trú quán tại phố Cồ-lễ huyện Trực-ninh Nam-định, buôn tạp hóa và giữ nghề khắc kinh, đã được gần 30 năm nay ; bình sinh Tôn-linh tu theo môn tịnh-độ, ngày đêm vẫn giữ trọn hai khóa lễ niệm, giữ gìn trai giới, buôn bán ở phố ấy lâu như thế mà những nhà hàng xóm chưa thấy giết con gà, con vịt cùng các giống súc sinh khác bao giờ.

Hàng ngày Nguyễn Tôn-Linh nhờ Phật độ được khỏe mạnh luôn. Đến ngày mồng 9 tháng 8 ta, thấy trong

mình khó ở, vào giường nằm thiếp một lúc giậy bảo vợ và con rằng: ta sắp về, ta nằm thấy 2 vị mặc áo thụng đầu đội mũ dài dài, bảo rằng: nhà ngươi hết số rồi, sắp sửa về thôi. Sau một vị lại bảo để ta kêu xin cho một giáp nữa, nhưng vị kia lại nói khó lắm; Từ khi nói câu ấy cho mọi người nghe hình như ai ai cũng cho là mê-tín, nói gở, khó tin.

Từ mồng mười trở đi, mỗi khi gặp những thân-bằng cố-hữu hay con cháu là nói đến sự sắp về và từ biệt lời cuối cùng.

Khác hơn nữa là ngày 12, buổi chợ Cồ-lễ, sáng ra các bạn hàng nhà nào nhà ấy bầy biện hàng hóa, người đang tấp nập mua bán vui vẻ mà trong nhà Nguyễn Tôn-linh thì thấy lổ về hoảng hốt, vợ con sụt sùi, rồi thu xếp vật-liệu; mọi người thấy vậy vào hỏi thăm, người nhà nói: « không biết sao mà buổi sớm nay ông tôi cứ bắt thu xếp về tỉnh Nam thuê nhà để về chầu Phật » Khách và hàng xóm vẫn thấy Tôn-linh ngồi tụng kinh Phổ-môn một lúc tụng song lại đi ra mời dầu nước những người vào thăm. Mọi người phì cười, ra chợ nói chuyện với nhau, may sao ông Lý trưởng làng Cồ-lễ lại được nghe còn nói đùa rằng, tưởng ai chứ, ông ấy mạnh khỏe mạnh thế, lấy búa bổ đầu cũng chả chết.

Ngờ đâu, sẽ chiều vào độ 5 giờ, Tôn-linh nhất định bảo con giai cả ra bến thuê Ô-tô để đi về Nam-định, chứ không ở phố Cồ-lễ nữa, vợ con cũng phải tuân lời.

Khi ra đi thì tay cầm quạt lông, mình mặc áo thụng mầu nâu, gặp ai Tôn-linh cũng từ biệt lần cuối cùng: lúc vào ngồi trong ô-tô còn quay ra gọi hàng xóm tên là Bồ và ân cần rằng. « Trông nhà hộ cháu mấy nhé, vài hôm song việc cháu sẽ về »

Khi tới thành phố Nam-định vào nhà cháu là ông Lân ở phố hàng Cót. Trên xe bước vào ngồi giữa giường cứ niệm Phật luôn mãi mới ngừng, quay ra bảo cháu thuê hộ nhà để quy Phật, nhưng cháu thấy người mạnh như thường, tưởng chưa có mệnh nào, nên việc thuê nhà

chưa vội. Tôn-linh ngồi niệm Phật mãi đến 10 giờ đêm mới đi nghỉ.

Sáng ngày 13 vợ con, cháu ở Cần-lễ lên thấy người vẫn như mọi ngày ở nhà, không tỏ vẻ đau yếu chi cả. Nguyễn Tôn-linh cứ ân cần mọi người niệm Phật và răn vợ con rằng : sau khi ta tịch rồi cũng như ta còn sống, đừng có sát sinh thiết đãi thêm tội nghiệp. Buổi chiều vào hồi 5 giờ Tôn-linh bắt vợ con cháu ra giữa sân đứng niệm Phật rồi người cũng đứng giậy ra sân niệm tới nửa giờ mới vào.

Khi vào nằm một lúc bỗng gọi con giai vào bảo rằng : kìa kìa đức Phật Quán-Âm đã đến đón ta kia có cả phan đề 5 chữ « Phụng giá lòng Phật-đạo» biên ngay lấy, song lại niệm và nói : lậy Phật, con xin khất vài giờ nữa, để đợi Sư ông nhà con về đã ; « vị Sư là con thứ hai pháp hiện là Văn-tuệ, trụ trì chùa Vạn-tuế Hải-dương »

Từ đó Tôn-linh cứ nằm niệm Phật, trước to sau nhỏ dần dần cho tới hơi thở cuối cùng, đến đúng 5 giờ 30 không thấy có chứng bệnh gì khác cả.

Sau khi Tôn-linh quy Phật rồi vợ con tuân lời đều niệm Phật cả đến những người vào thăm thấy vậy cũng chỉ niệm Phật râm ran như một nơi hội chùa vậy.

Ủy-viên của bản báo được nghe tường tận câu chuyện quy Phật của một Phật-tử chuyên tu môn Tịnh-độ được kết quả mỹ-mãn, tinh thần minh mẫn cho tới khi từ giã cõi Sa-bà, thật là một tin mừng cho những tín đồ Phật-giáo ta, bất cứ xuất-gia hay tại-gia, ai có đủ Tín hành nguyện, cũng được chư Phật tiếp dẫn ; quả được đúng như những câu phát-nguyện hằng ngày rằng : « Bằng khi mệnh chung, dự biết thời đến, thân không bệnh khổ... chính niệm phân-minh... diện phụng Di-Đà và các thánh chúng. . »

Quả được như vậy, đồng-nhân chúng tôi xin cầu-nguyện Phật-tổ phù-hộ độ-trì cho vong linh cụ Nguyễn-ngọc-Oánh khi thấy Phật, đắc đạo rồi, lại trở lại cõi Sa-bà này để tế-độ cho chúng-sinh. Đ. T.

Tôi tu Tịnh-độ

(Tiếp theo số 162)

Nam-mô A-di-đà-Phật;

Rứt tiếng lễ một lễ rồi cứ thế niệm luôn luôn mãi hàng trăm hàng nghìn lượt tùy ý.

Nam-mô Quán-thế-âm bồ-tát ma-ha-tát.

Lễ một lễ

Nam-mô Đại-thế-trí bồ-tát ma-ha-tát (lễ một lễ)

Nam-mô Thanh-tịnh-đại-hải-chúng-bồ-tát ma-ha-tát

Lễ một lễ xong, lại niệm mười sáu câu phát nguyện như sau này:

Lậy đức A-di-đà,
Công-đức hằng hà sa.
Từ-bi thương kẻ khổ,
Chứng-tri lời kêu ca.
Xưa con gây bao tội,
Vì tham, sân, si ra
Những lỗi: thân, khẩu, ý,
Nhất thiết đều xin chừa.
Nguyện đến lúc hấp-hối,
Mọi đều chướng ngại qua.
Thấy mặt Đi-Đà Phật,
Tới nơi cực-lạc nhà.
Được yên vui mãi đấy,
Thì nguyện trước mới vừa.
Lại nguyện các chúng-sinh,
Mau tới cõi Phật nhờ.

Đấy các anh em chị em nghe tôi nói các cach tu hành như thế, có phải là dễ-dàng lắm không? Tôi lại còn có phép lại dẫn-tiện hơn nữa là cốt để cho các người công việc bề bộn quá, hay có tật bệnh tu-hành được tiện hơn, là cứ mỗi ngày giây sớm hay lúc đêm hôm thức giấc giây, rửa sạch sẽ, ngồi ngoảnh về hướng tây, hoặc lễ hay vái tùy ý, rồi

ngồi chắp tay niệm luôn A-di-đà-Phật, không cần hạn định là bao nhiêu lượt, cứ một hơi niệm luôn mãi, hơi dài thì niệm luôn mười tiếng hơi ngắn thì niệm mấy lượt cũng được, niệm xong rồi niệm ba vị Đại-bồ-tát ở trên kia, mỗi danh hiệu niệm mười lượt, xong rồi đọc tám câu kệ phát nguyện một lượt lại lễ một lễ hay vái một vái thế là xong. Cứ cách ấy mà tu cho chuyên cũng có thể sinh tới cực-lạc được. Tám câu kệ phát nguyện tôi xin kể như sau này :

Nguyện lấy công đức ấy
Trang-nghiêm tịnh-độ kia.
Trên báo bốn ơn nặng,
Dưới cứu ba đường mê.
Có ai nghe biết tới,
Đều mở lòng bồ-đề.
Hết kiếp báo thân đó,
Thẳng nơi cực-lạc về.

Cứ theo như các cách ở trên mà tu là được, nhưng cần phải phát tấm lòng thành theo ba cách này: Một là phải hiểu rằng những cái ham muốn sắng cõi đời chúng ta đang ở đây là cái nhân gây nên sự khổ, phải chán ghét nó mà ruồng bỏ nó đi; hai là phải hiểu rằng cái cõi tây-phương cực-lạc là cõi đời rất sung-sướng, ta phải ham thích, phải nhất tâm mà cầu cho tới cõi đó; ba là phải cầu, phải quyết một chữ ý, sau này được tới tây phương, được thấy mặt Phật; được đạo mầu rồi thì ta lại phải quay về cõi đời ta ở trước mà cứu vớt hết các chúng-sinh cho cùng được tới cõi cực-lạc, cùng thoát hẳn các cái khổ-não mà hưởng lấy cái thú làm người chí-thiện mãi mãi. Có ba tấm lòng thành ấy mà lại cố theo như các cách ở trên mà tu-hành, thì tôi dám chắc rằng tu tất thành công vậy.

Có người ngờ lại hỏi rằng: « Như nói tu tới cõi đời tây-phương thì được hưởng các cái sướng

lạ, tôi không trông thấy, không thể tin được, làm gì mà có nơi sùng sướng đến như thế ? » Xin thưa rằng: như ngài đem các cái tốt đẹp trong cung nhà vua, nào cung đình lộng lẫy, nào quần áo sa hoa, nào chân lu mĩ vị, mà nói với một người dân quê chưa từng trông thấy bao giờ, thì họ có tin được không ! Lại như năm mươi năm về trước kia mà nói rằng : có cái đóng bằng sắt dai 2, 3 ba mươi trượng, không phải ai kéo, không cần buồm trèo, mà xông pha sóng bể như bay, thì có ai tin được không ? Một đoàn xe dài hai ba mươi trượng, không có người đẩy, không dùng ngựa kéo, mà đi vùn vụt như tên, thì có ai tin được không ? Đèn không có dầu, không phải châm lửa mà sáng như mặt giời thì có ai tin được không ? Cách xa nhau hàng trăm nghìn dặm, chỉ bắc một sợi giây mà hai bên nói truyện với nhau như ngồi trong một chỗ, thì có ai tin được không ? Thế mà nay ta xem tầu thủy kia, xe lửa kia, đèn điện kia, giây nói kia, thì có phải là xưa kia không thể tin được mà nay có sự thực đích đó không ? Thế thì người không tin có cái cõi đời cực-lạc cũng như thế mà thôi. Vả lại nếu mà không có thực thì sao mấy nghìn năm nay kể biết bao nhiêu người tin thế hử ? Vả lại những người dốc lòng niệm Phật, cầu cho tới cõi đời cực-lạc đều là những người học nhiều, có kiến thức lớn lại còn có người công danh rất lừng lẫy mà quyết vứt cả đi xuất-gia tu-hành, thế dễ thường những người ấy đều là hạng ngu si cả sao ? đều là nhầm nhặt cả sao ? Lại còn một lẽ nữa là những người dốc lòng niệm Phật, đến lúc sắp chết, đã biết trước ngày giờ chết, đến lúc bấy giờ hoặc là trên không có đàn nhạc rước, hoặc là mùi thơm sực nức, những cái lạ ấy, có ai làm ra được không ? Nếu mà muốn biết được đích thì cứ nhất tâm mà tu đi, khi đó sẽ biết nhời tôi nói là thực. Vả lại tôi nói bậy thì tôi mang thêm tội, chứ có ích gì cho tôi đâu ?

Hiện nay chúng ta ở trong đời lục-dục này đây, có khác gì ở trong hố phân, ở trong ngục tối, không sao mà tự-do, tự-tại được. Chúng ta muốn trốn cho thoát cái cõi đời này, cũng không thể được. Nay ta đã biết đức A-di-đà-Phật có lòng đại nguyện, cốt độ cho chúng ta thoát khỏi cõi đời này, nếu chúng ta cứ theo y như các phép đức Thích-ca-mâu-ni nói ở trong kinh mà phát tâm tin Phật quyết một lòng, một chí, ân-cần thiết-tha mà niệm A-di-đà-Phật, mà cầu cho chúng-sinh tới cõi Tây-phương, bao nhiêu cái ác, trừ cho hết tiệt, mau mau chăm chỉ làm các việc thiện, thì không ai là không được tới cõi Tây-phương Vì rằng đức A-di-đà-Phật đối với chúng ta, y như cha mẹ đối với con cái, cho nên hễ ai biết niệm Phật, cầu cho chúng-sinh tới cõi Tây-phương, thì đức A-di-đà-Phật không có bỏ sót ai mà không tiếp-dẫn, thế cho nên ta phải quyết chí mà mau mau niệm Phật tu hành.

Lại có một hạng người kiến-thức nông nổi và những người hay nghi hoặc; đến cả những nhời kinh của Phật cũng không tin, thế thực là nhầm lắm. Phải biết rằng Phật không có ưa gì sự nói xằng, cho nên cấm giới không được nói xằng mà cho cái hại nói xằng cũng ngang như cái hại giết hại muông sinh, ăn trộm của cải, dan-díam đàn bà, mà Phật đã gọi là bốn thứ tội căn bản kia, không kể chi người đi tu hay người tại-gia, đều cần phải giữ những điều cấm giới ấy. Phật đã cấm giới sự nói xằng thâm thiết như thế, có lẽ nào Phật lại nói xằng ru! Phật đã vì giữ được các điều cấm-giới như thế mà thành Phật, thì những nhời Phật bảo chúng ta, nhất định là không phải lời nói sai rồi. Vả lại các người bình thường sở dĩ hay nói xằng là vì có hai cớ. Một là muốn được các cái hay, hai là để chánh cái thiệt hại. *(Còn nữa)*

THỜI SỰ

ÂU CHÂU

Mặt trận Nga Đức. *Từ khi Đức bắt đầu đánh Nga đến nay (19-11-41) là 148 ngày tình hình các mặt trận đại khái như sau này : 1) Mặt trận bao vây Mạc-tư-khoa hai bên lúc tiến-công lúc cầm-cự thay đổi nhau, có trận Nga thắng lợi, có chỗ Đức tiến được ít nhiều, cuộc đánh giết rất là dữ dội không tiếc chi người và của.*

Mặt trận Léningrad. *Đức vẫn bao vây càng ngày càng chặt trong thành đã khổ về đói rét bom đạn, lại thiếu cả thuốc đạn. Nga cố sống ra đánh phá vỡ vòng vây nhưng chưa thành công gì cả ; 3) Mặt trận phía nam, Đức đã đánh tan đội quân của Nga ở Ukraine và tiến vào bán đảo Crimée hiện nay đã hạ được thành Kerth và đã nhòm thẳng vào miền Caucase là miền nhiều dầu hỏa nhất.*

Mặt trận Anh Đức Ý. *Anh Đức thỉnh thoảng chỉ có cuộc ném bom nhỏ, Anh Ý có mấy trận đánh nhau ở Địa trung-hải, Ý bị thiệt nhiều tầu chiến và tầu buôn.*

MỸ CHÂU

Mỹ đã quyết nghị bài hai khoản trong điều ước trung lập, từ nay các tầu buôn đều được gài súng và sông vào các nơi chiến địa để chở chiến cụ cho Anh và Nga, thế là Mỹ đã đối đầu hẳn với Đức, nhưng ở Mỹ lại xảy ra một việc rất quan trọng là việc phong trào đình-công càng ngày càng lan rộng, trong lúc cần nhiều chiến cụ mà thợ đình công, cũng là một sự rất quan trọng.

Á CHÂU

Nhật Mỹ vẫn tiến hành công cuộc điều đình, nhưng hai bên vẫn chưa thỏa thuận, xem chừng cũng khó khăn, nhưng theo các nhà thông thuộc thời thế thì Nhật Mỹ đều chưa bên nào muốn gây sự với, Thái-bình dương cũng còn được đeo cái tên là Thái-bình

HỘP THƯ

(Phương danh các vị đã trả tiền báo bằng Mandats)

Cụ Trần tiến Nam Thái-bình	3$00
Mme Phó-Cửu Phủ nho quan	5 00
M. Nguyễn văn Hồ Phanrang	1.50
Nguyễn khắc Ân Thái-nguyên	1.92
Phạm duy Thử Faifoo	1.00
Nguyễn quang Hân Cao-lãnh	2·00
Lê trọng Ngữ Thanh-hóa	1.50
Nguyễn văn Lược Ba-đồn	1.50
Nguyễn xuân Nghiêm Baria	3.00

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỐ

Sư Cụ Huệ-Hương, Chánh đại-lý nội hộ, chi hội Phật giáo Cổ-am (Hải-dương) viên-tịch ngày 22 — 9 — 1941

Ông Hoàng-đình-Thúc, chi hội Phương-điếm Gia-lộc Hải-dương, thọ 70 tuổi viên-tịch ngày 26 - 8 - 41

Cụ Đông châu Nguyễn hữu Tiến, sáng-lập hội-viên hội Phật-giáo Bắc-kỳ, viên-tịch ngày 13 - 11 - 41

M Ngô văn Tinh, 60 phố Lò-đúc Hanoi, viên-tịch ngày 3 - 11 - 41

M. Nguyễn đình Liệu, làng Mễ-xá, phủ Ân-thi, Hưng-yên, viên-tịch ngày 20 - 9 - 41

IMP -ĐUỐC-TUỆ Quản-lý CUNG-ĐÌNH-BÍNH